TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU TỈNH SÓC TRĂNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/10/2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hương

2. Ông Triệu Khánh Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2018. Về tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh T.Đ, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Nhà không số, ấp Đ. B. A, xã L. H., thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị D.T.Đ, sinh ngày 11/3/2000;

Địa chỉ: Nhà không số, ấp Đ.B. A, xã L. H., thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Người phiên dịch tiếng Khmer ông Lâm Diệp Panh Cán bộ Hội nông dân phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/6/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn T.Đ trình bày: Vào tháng 4 năm 2018, anh Đô kết hôn với chị D.T.Đ có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/4/2018.

- Sau khi kết hôn, hai người sống chung với gia đình của anh Đô tại ấp Đại Bái A, xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Từ khi kết hôn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được và đã không còn sống chung với nhau từ ngày 23/6/2018. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau, anh T.Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị D.T.Đ.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn chị D.T.Đ: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng chị Đ. không có mặt tại địa phương, người thân không đồng ý nhận thay các văn bản của tòa án để thông báo lại cho chị Đ. theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành xác minh đối với chính quyền địa phương tại nơi chị Đ. cư trú thì được Trưởng ban nhân dân ấp Đại Bái A, xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu cung cấp thông tin: chị Đ. có đăng lý hộ khẩu thường trú tại ấp Đại Bái A, xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, hiện tại thì chị Đ. đi làm công không thường xuyên có mặt tại địa phương, gia đình và người thân không đồng ý nhận các văn bản của tòa án để giao lại cho chị Đ.. Do đó, tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng của tòa án cần tống đạt cho chị Đ. theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Đ. không có văn bản trình bày ý kiến, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án. Theo thủ tục tố tụng, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia nhưng chị Đ. không hợp tác mà vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hòa giải không có lý do. Do đó, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng

xét xử cho anh T.Đ được ly hôn với chị D.T.Đ; về con chung nguyên đơn khẳng định không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn T.Đ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, anh Đô yêu cầu ly hôn với chị Đ., quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn D.T.Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối gì nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn D.T.Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/4/2018 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 53 do Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/4/2018, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn T.Đ có kết hôn với bị đơn D.T.Đ là sự thật, được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa anh T.Đ và chị D.T.Đ đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, sau đó thì bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến anh Đô và chị Đ. không thể tiếp tục sống chung với nhau. Cụ thể từ ngày 23/6/2018 chị Đ. đã về sinh sống với cha mẹ ruột sau đó đi làm công đến nay không còn liên lạc với nhau nữa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không tôn trọng, quan tâm,

chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa anh Đô và chị Đ. không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn T.Đ và bị đơn D.T.Đ thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn T.Đ đối với bị đơn D.T.Đ là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh T.Đ được ly hôn với chị D.T.Đ.

[3] Về con chung: Anh T.Đ và chị D.T.Đ không có con chung, không yêu cầu nên nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn T.Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng nguyên đơn T.Đ phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh T.Đ được ly hôn với chị D.T.Đ .

2. Về con chung: Anh T.Đ và chị D.T.Đ không có con chung, không yêu cầu nên nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T.Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn T.Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000941, ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh T.Đ đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận
-VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND xã Lạc Hòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn